

UỶ BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU

Số: 1515/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cà Mau, ngày 21 tháng 10 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của**  
**Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Căn cứ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Quyết định số 115/2004/QĐ-TTg ngày 25/6/2004 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành kèm theo Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 40/2010/QĐ-TTg ngày 12/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ Phát triển đất;

Căn cứ Chi thị số 34/2006/CT-TTg ngày 26/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Thông tư số 139/2007/TT-BTC ngày 29/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Thông tư số 16/2010/TT-BXD ngày 01/9/2010 của Bộ Xây dựng quy định cụ thể và hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 07/2008/QĐ-BTC ngày 29/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Điều lệ mẫu áp dụng cho các Quỹ đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau thông qua Đề án thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau;

Căn cứ Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau về việc thành lập Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau;

Xét đề nghị của Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau tại Tờ trình số 01/TTr-QĐTPT ngày 27/9/2012 và ý kiến đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 389/TTr-SNV ngày 19/10/2012,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau”.

**Điều 2.** Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau tổ chức triển khai, thực hiện Quyết định này.

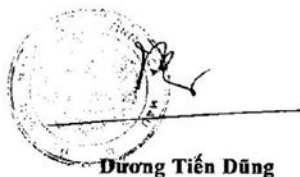
**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Cà Mau, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (thay b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (thay b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (thay b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (thay b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- PVT Nguyễn Đức Thánh;
- NC (H), KT (Kiên);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Dương Tiến Dũng**

## **ĐIỀU LỆ**

**Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau**  
(Ban hành theo Quyết định số 1545/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2012  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

### **Chương I** **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau được thành lập và tổ chức hoạt động theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 138/2007/NĐ-CP).

#### **Điều 1. Giải thích một số thuật ngữ**

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. “Vốn điều lệ” là số vốn được ghi trong Điều lệ này, do Nhà nước cấp.
2. “Vốn điều lệ thực có” là nguồn vốn điều lệ phản ánh trên sổ sách kế toán của Quỹ tại thời điểm đó.
3. “Vốn hoạt động” là tổng số vốn chủ sở hữu và vốn huy động của Quỹ Đầu tư phát triển tại thời điểm đó.
4. “Đầu tư trực tiếp vào các dự án” là việc Quỹ Đầu tư phát triển sử dụng vốn hoạt động của đơn vị mình để đầu tư vào các dự án. Trong đó, Quỹ có thể trực tiếp quản lý dự án theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.
5. “Cho vay hợp vốn” là việc Quỹ Đầu tư phát triển và các tổ chức khác cùng cho vay vốn đầu tư vào một dự án, trong đó Quỹ Đầu tư phát triển hoặc một tổ chức khác làm đầu mối phối hợp và thực hiện cho vay.
6. “Góp vốn” là việc đưa tài sản vào công ty để trở thành chủ sở hữu hoặc các chủ sở hữu chung của công ty, được quy định tại khoản 4, Điều 4, Luật Doanh nghiệp.
7. “Người có liên quan” là các tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 17, Điều 4, Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 2. Thông tin chung về Quỹ Đầu tư phát triển Cà Mau**

1. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau (được gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 1232/QĐ-UBND ngày 28/8/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, nhằm mục đích tiếp nhận vốn ngân sách, vốn viện trợ, tài trợ hoặc ủy thác, huy động vốn từ các tổ chức cá nhân

trong và ngoài nước để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa; đầu tư phát triển đất, đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh để bán, cho thuê hoặc cho thuê mua theo chương trình phát triển nhà ở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; cho vay đối với các đối tượng thu nhập thấp có nhu cầu vay vốn với lãi suất ưu đãi để cải thiện nhà ở và ứng vốn, thu hồi vốn và ứng chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau.

2. Quỹ thực hiện chức năng tài chính và đầu tư phát triển. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

3. Vốn điều lệ của Quỹ là 200.000.000.000 VNĐ (hai trăm tỷ đồng).

Việc điều chỉnh, bổ sung vốn điều lệ (từ nguồn ngân sách hỗ trợ hàng năm) tùy thuộc yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể của Quỹ và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 1, Điều 75, Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ; khi thay đổi vốn Điều lệ của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau, thực hiện theo khoản 2, Điều 26, Nghị định số 138/2007/NĐ-CP ngày 28/8/2007; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ; Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ và theo đề nghị của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Địa chỉ trụ sở làm việc: Trụ sở của Quỹ đặt tại số 11, đường 1/5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

5. Tên gọi của Quỹ: **QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH CÀ MAU.**

6. Tên giao dịch quốc tế: **CA MAU DEVELOPMENT INVESTMENT FUND.**

Tên giao dịch viết tắt: **CA MAU DIF.**

### **Điều 3. Tổ chức bộ máy**

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có Hội đồng Quản lý, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành các hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau.

### **Điều 4. Nguyên tắc hoạt động**

1. Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau hoạt động theo nguyên tắc tự chủ và tài chính, bảo đảm an toàn, bảo toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro; hoạt động trong phạm vi pháp luật quy định.

2. Đối với nguồn vốn phát triển nhà ở, nguồn vốn phát triển đất, nguồn vốn bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh, Quỹ có trách nhiệm quản lý, bảo đảm an toàn và phát triển bảo toàn vốn, tự bù đắp chi phí, tự chịu rủi ro và hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

3. Quỹ chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi nguồn vốn chủ sở hữu hiện có của Quỹ.

**Điều 5. Các tổ chức Đảng, đoàn thể**

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các đoàn thể của Quỹ hoạt động theo quy định của Điều lệ Đảng, Điều lệ của tổ chức đoàn thể và các quy định khác của pháp luật.

**Điều 6. Quản lý nhà nước đối với Quỹ**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý hoạt động của Quỹ và quyết định các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

2. Sở Tài chính thay mặt Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của Quỹ và thực hiện một số nhiệm vụ khác có liên quan theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Quỹ chịu sự quản lý nhà nước về tài chính của Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009, Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ, Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ và pháp luật hiện hành.

**Chương II****CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN****Điều 7. Chức năng của Quỹ**

1. Tiếp nhận vốn ngân sách của tỉnh Cà Mau, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn thực hiện các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đầu tư phát triển đất, đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh để bán, cho thuê hoặc cho thuê mua theo chương trình phát triển nhà ở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; cho vay đối với các đối tượng thu nhập thấp có nhu cầu vay vốn với lãi suất ưu đãi để cải thiện nhà ở; ứng vốn, thu hồi vốn và ứng chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác về hỗ trợ đầu tư hoặc tài trợ cho các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh để bán, cho thuê hoặc cho thuê mua theo chương trình phát triển nhà ở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đầu tư phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh để huy động vốn cho ngân sách tỉnh.

3. Thực hiện quản lý hoạt động của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Phát triển nhà ở, Quỹ phát triển đất và một số Quỹ khác

được thành lập theo quy định của pháp luật; ủy thác thực hiện một số chức năng phát triển nhà ở, bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp cho các tổ chức có năng lực theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầu tư trực tiếp vào các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh; đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh để bán, cho thuê hoặc cho thuê mua theo chương trình phát triển nhà ở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; cho vay đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp; ủy thác cho vay đầu tư, thu hồi nợ theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg ngày 20/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ.

5. Phối hợp với các tổ chức tài chính, tín dụng trên địa bàn tỉnh cùng thực hiện cho vay, tài trợ tài chính cho các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh để bán, cho thuê hoặc cho thuê mua theo chương trình phát triển nhà ở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

#### **Điều 8. Nhiệm vụ của Quỹ**

1. Thực hiện đầu tư trong phạm vi kế hoạch và cơ cấu đầu tư đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trong từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Đối với nguồn vốn phát triển nhà ở của tỉnh, Quỹ thực hiện đầu tư, cho vay đầu tư phát triển nhà ở trong phạm vi kế hoạch và cơ cấu nguồn vốn phát triển nhà ở của tỉnh trong từng thời kỳ, phù hợp với chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Ứng vốn, thu hồi vốn và ứng chi hỗ trợ trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo quy định tại khoản 1, Điều 14, Điều lệ này.

3. Quản lý, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả các nguồn vốn; đảm bảo an toàn và phát triển vốn; tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro.

4. Thực hiện đúng chế độ kế toán, thống kê và báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Chịu sự thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo luật định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

6. Mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

7. Chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nhà nước và các quy định khác có liên quan đến hoạt động của Quỹ.

8. Đầu tư đúng quy định, đúng mục đích, đúng đối tượng, có hiệu quả; thu hồi kịp thời, đầy đủ cả nợ gốc và nợ lãi.

9. Thực hiện đúng hạn, đầy đủ các nghĩa vụ trả nợ của Quỹ đối với tổ chức, cá nhân đã cho Quỹ vay vốn.

10. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí kế hoạch vốn cho các dự án đầu tư đã được Quỹ cho ứng vốn thực việc bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư và ứng vốn cho ngân sách để chi hỗ trợ một số nhiệm vụ theo quy định để thu hồi tạm ứng trong năm tính ứng hoặc trong những năm tiếp theo nhằm bảo toàn nguồn vốn phát triển đất của tỉnh.

11. Thẩm định và chịu trách nhiệm về phương án vay vốn thực hiện các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đầu tư phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh để bán, cho thuê hoặc cho thuê mua theo chương trình phát triển nhà ở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; cho vay đối với các đối tượng thu nhập thấp có nhu cầu vay vốn với lãi suất ưu đãi để cải thiện nhà ở và phương án ứng vốn của các Dự án ứng vốn chuẩn bị quỹ đất; giải ngân nguồn vốn vay và vốn tạm ứng theo tiến độ thực hiện; thực hiện thu hồi nguồn vốn vay và vốn tạm ứng theo quy định của pháp luật. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ hay thu hồi vốn đối với vốn vay, vốn đã ứng, kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, đơn vị vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng, kinh phí được hỗ trợ.

12. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước theo quy định hiện hành.

13. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ngành có liên quan về tình hình sử dụng các nguồn vốn của Quỹ, tình hình thu hồi nợ vay, các khoản vốn đã tạm ứng thực hiện nhiệm vụ được giao cho Quỹ theo quy định hiện hành.

14. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

#### **Điều 9. Quyền hạn của Quỹ**

1. Được từ chối mọi yêu cầu của bất cứ cá nhân hay tổ chức nào về việc cung cấp thông tin và các nguồn lực khác của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật và trái với Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

2. Được liên hệ với các ngành chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

3. Được mời và tiếp các đối tác đầu tư, kinh doanh nước ngoài, được cử cán bộ và nhân viên của Quỹ ra nước ngoài công tác, học tập, tham quan, khảo sát theo quy định của pháp luật.

4. Được mở tài khoản tiền gửi tại Kho bạc Nhà nước và các tổ chức tín dụng, Ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ.

6. Được tổ chức hoạt động kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010 của Chính phủ và quy định tại Điều lệ này.

7. Được khai thác các nguồn lực, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật nhằm tăng nguồn vốn để thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định 138/2007/NĐ-CP, Nghị định 71/2010/NĐ-CP, Nghị định 69/2009/NĐ-CP, Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg và quy định tại Điều lệ này.

8. Được trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi, không gây phương hại cho Quốc gia theo đúng pháp luật Việt Nam.

9. Được lựa chọn các dự án thuộc đối tượng, có hiệu quả để quyết định đầu tư. Trường hợp đặc biệt, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

10. Được đầu tư vào các dự án với tư cách là chủ đầu tư hoặc đồng chủ đầu tư; cho vay hoặc hợp vốn cho vay đối với các dự án; góp vốn thành lập doanh nghiệp; ủy thác và nhận ủy thác theo quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009, Quyết định số 193/2001/QĐ-TTg 20/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Điều lệ này. Được cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp mà Quỹ góp vốn.

11. Có quyền yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh khi xem xét quyết định đầu tư, cho vay; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án.

12. Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án do Quỹ đầu tư trực tiếp, cho vay, góp vốn thành lập doanh nghiệp.

13. Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân vay vốn tại Quỹ, tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay, đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư.

14. Phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định nhu cầu chi hỗ trợ theo điểm 1.4, 1.5 và 1.6 khoản 1, Điều 14 của Điều lệ này trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; thực hiện ứng vốn cho ngân sách để chi hỗ trợ theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; thực hiện thu hồi các khoản ứng chi hỗ trợ theo quy định.

15. Quyết định ứng vốn cho các tổ chức theo quy định tại Điều lệ này và thực hiện thu hồi vốn ứng khi đến hạn hoặc thu hồi theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

16. Tham gia kiểm tra, nghiệm thu, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, dự án, phương án đã được Quỹ cho vay, đầu tư, ứng vốn hoặc ứng chỉ hỗ trợ. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về phạm vi, đối tượng cho vay, đối tượng ứng vốn và chi hỗ trợ từ các nguồn của Quỹ.



17. Được định chỉ việc đầu tư, cho vay, góp vốn; thu hồi vốn các khoản đầu tư trước thời hạn khi có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật.

18. Có quyền từ chối tài trợ, hợp tác, cho vay, cung cấp vốn nếu xét thấy trái pháp luật, trái Điều lệ hoạt động của Quỹ; khởi kiện theo quy định của pháp luật đối với các đơn vị, cá nhân vi phạm cam kết với Quỹ hoặc vi phạm các quy định của nhà nước liên quan đến hoạt động của Quỹ.

19. Được ban hành các quy chế, quy trình hoạt động để làm căn cứ triển khai hoạt động phù hợp với tình hình thực tế của Quỹ trong từng thời kỳ cụ thể.

20. Được tuyển dụng, thuê mướn, bố trí, sử dụng và đào tạo cán bộ; lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng trên cơ sở kết quả hoạt động của Quỹ và có các quyền khác của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

21. Được cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.

22. Khi đến hạn trả nợ, nếu chủ đầu tư không trả được nợ thì Quỹ được quyền xử lý tài sản bảo đảm tiền vay để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

23. Được hưởng các chế độ ưu đãi, chính sách miễn, giảm, giãn nợ các loại thuế theo quy định của pháp luật.

### **Chương III**

## **HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH CÀ MAU**

### **Điều 10. Huy động vốn**

1. Quỹ được huy động vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư cho các dự án theo quy định hiện hành của Nhà nước, bao gồm:

1.1. Vay các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua hợp đồng vay vốn. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về vay nợ nước ngoài của Chính phủ.

1.2. Phát hành trái phiếu Quỹ đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật.

1.3. Nguồn vốn do người có nhu cầu mua nhà, thuê mua nhà ở đóng góp.

1.4. Các hình thức huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ không được huy động vốn ngắn hạn.

3. Giới hạn huy động vốn của Quỹ: Tổng mức vốn huy động của Quỹ tối đa bằng 6 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại cùng thời điểm đó.

4. Trường hợp huy động vốn cho ngân sách tỉnh được thực hiện theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh, không được tính vào nguồn vốn huy động của Quỹ.

## **Điều 11. Đầu tư trực tiếp vào các dự án**

1. Đối tượng, điều kiện, phương thức, hình thức đầu tư trực tiếp vào các dự án được thực hiện như sau:

### **1.1. Đối tượng đầu tư:**

Đối tượng đầu tư trực tiếp là các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thuộc các chương trình, mục tiêu theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Riêng đối với nguồn vốn phát triển nhà ở, đối tượng đầu tư trực tiếp là các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, kết cấu hạ tầng kỹ thuật các khu nhà ở, khu đô thị mới, khu dân cư theo chương trình phát triển nhà ở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, bao gồm:

a) Các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật; dự án đầu tư xây dựng nhà ở và các dự án phát triển khu đô thị mới.

b) Các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng và các dự án phụ trợ bên ngoài hàng rào của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao.

c) Các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, kết cấu hạ tầng kỹ thuật các khu nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo các hình thức phù hợp với Điều lệ hoạt động của Quỹ quy định, nhằm thực hiện các mục tiêu giải quyết nhu cầu nhà ở cho các đối tượng thu nhập thấp, gặp khó khăn về nhà ở; các đối tượng chính sách, cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và các đối tượng khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

d) Các dự án bảo vệ và cải tạo môi trường.

e) Các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Luật Hợp tác xã; tại khoản 1, Điều 3 của Nghị định số 56/2009/NĐ-CP ngày 30/6/2009 và Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

f) Các dự án đầu tư trọng điểm theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **1.2. Điều kiện đầu tư:**

a) Các dự án nằm trong chương trình đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, phát triển nhà ở xã hội của tỉnh và dự án có quyết định đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Dự án đầu tư phải có hiệu quả và có khả năng thu hồi vốn trực tiếp.

### **1.3. Phương thức đầu tư:**

a) Quỹ thực hiện đầu tư với tư cách là chủ đầu tư hoặc tham gia góp vốn với các tổ chức khác để đầu tư và chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình theo phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Phương thức thực hiện đầu tư chủ yếu là đấu thầu, Quỹ không tham gia trực tiếp thi công xây dựng, lắp đặt. Quỹ có thể trực tiếp quản lý các dự án đầu tư hoặc thuê các tổ chức chuyên môn quản lý dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

#### 1.4. Hình thức đầu tư:

a) Quỹ tìm kiếm dự án, thực hiện các công tác chuẩn bị đầu tư, sau đó thực hiện đầu tư hoặc chuyển nhượng lại các dự án cho chủ đầu tư khác thực hiện đầu tư. Tùy từng điều kiện cụ thể, Quỹ lựa chọn các hình thức đầu tư như: hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT); hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT) theo quy định của pháp luật. Việc đầu tư của Quỹ được thực hiện theo quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước.

b) Tùy thuộc vào tình hình thực tế vai trò của chủ đầu tư, sở hữu tài sản mà Quỹ sẽ chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý tài sản sau đầu tư hoặc chuyển giao cho tổ chức có chức năng quản lý tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Giới hạn đầu tư trực tiếp: Giới hạn tỷ lệ vốn đầu tư trực tiếp vào các dự án của Quỹ tối đa bằng 50% vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

3. Mức vốn đầu tư đối với một dự án trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Mức vốn đầu tư đối với một dự án từ 2% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

5. Mức vốn đầu tư đối với một dự án dưới 2% vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện do Giám đốc Quỹ quyết định.

6. Mức vốn đầu tư đối với một dự án tối đa bằng 15% (mười lăm phần trăm) vốn chủ sở hữu của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

7. Phương thức thu hồi vốn đầu tư: Quỹ sẽ bán hoặc cho thuê tài sản sau đầu tư để thu hồi vốn đầu tư. Việc bán và cho thuê tài sản sau đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật.

8. Đối với quy chế quản lý nhà ở thu nhập thấp (quy định về giá bán, thuê, thuê mua nhà ở thu nhập thấp v.v.), Quỹ căn cứ quy định hiện hành để xây dựng gửi các ngành chức năng thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, làm cơ sở triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 12. Cho vay đầu tư, cải thiện nhà ở và các doanh nghiệp nhỏ và vừa**

1. Cho vay phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê hoặc thuê mua:

1.1. Đối tượng cho vay: Các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng có phương án thu hồi vốn trực tiếp thuộc các chương trình, mục tiêu theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Đối với nguồn vốn phát triển nhà ở là các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có dự án đầu tư xây dựng nhà ở dành cho các đối tượng có thu nhập thấp đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với chương trình phát triển nhà ở đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Ngoài ra, nếu các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có quỹ đất dành để triển khai dự án nhà ở cho người thu nhập thấp đã được giải phóng mặt bằng (hoặc đã được đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng) theo dự án cũng sẽ được vay vốn từ nguồn vốn phát triển nhà ở của tỉnh. Các dự án nêu trên, gồm:

- Các dự án về: giao thông, cấp nước, nhà ở khu đô thị, khu dân cư, di dời sắp xếp lại các cơ sở sản xuất, xử lý rác thải của đô thị;

- Dự án phát triển nhà ở để bán (thu tiền một lần hoặc bán trả góp) hoặc để cho thuê, thuê mua (thu lần đầu 20% giá trị căn nhà) đối với các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện thu nhập thấp.

- Dự án xây dựng nhà lưu trú cho công nhân thuê, nhà trọ hoặc ký túc xá cho sinh viên.

- Dự án khả thi sau khi được thẩm định đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Các dự án quan trọng do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

1.2. Điều kiện cho vay: Cơ chế tín dụng và các điều kiện vay vốn cụ thể do Quỹ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định nhưng phải bảo đảm có đủ các điều kiện:

- Dự án phải có trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và các dự án thuộc chương trình phát triển nhà ở được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; đã hoàn thành thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Có phương án sản xuất, kinh doanh có lãi và phương án bảo đảm trả được nợ.

- Có cam kết mua bảo hiểm đối với tài sản hình thành từ vốn vay thuộc đối tượng mua bảo hiểm bắt buộc tại một công ty bảo hiểm được phép hoạt động tại Việt Nam.

- Chủ đầu tư phải là tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế có giấy phép đăng ký kinh doanh.

- Có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự và chịu trách nhiệm dân sự theo quy định của pháp luật.

- Dự án khả thi, đảm bảo khả năng hoàn trả nợ vay qua kết quả thẩm định.

- Có tài sản đảm bảo nợ vay hợp pháp, hợp lệ theo quy định của pháp luật.

1.3. Mức cho vay: Tùy thuộc vào giá trị của tài sản đảm bảo tiền vay và khả năng thu hồi vốn của dự án, mức cho vay tối đa đối với một dự án là 70% giá trị dự toán được duyệt hoặc giá trị trúng thầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.4. Thời hạn cho vay: Thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn của Quỹ, điều kiện cụ thể của chương trình, dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay, cụ thể như sau:

a) Đối với các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng thuộc các chương trình, mục tiêu theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh được xác định theo khả năng thu hồi vốn phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh, dịch vụ của từng dự án đầu tư và khả năng trả nợ của chủ đầu tư, nhưng tối đa không quá 15 năm.

b) Đối với các dự án vay vốn đầu tư phát triển nhà ở xã hội thuộc chương trình phát triển nhà ở được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì thời hạn cho vay được xác định phù hợp với khả năng nguồn vốn phát triển nhà ở, điều kiện cụ thể của từng dự án vay vốn và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá 05 năm, kể cả thời gian ân hạn.

c) Trường hợp cần thiết cho vay vượt các mức thời hạn quy định trên, thì Hội đồng Quản lý Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

#### 1.5. Lãi suất cho vay vốn:

a) Lãi suất cho vay vốn đối với từng dự án cụ thể do người quyết định cho vay quyết định nhưng phải đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 15 của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và khung lãi suất cho vay đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Lãi suất cho vay lại đối với các dự án sử dụng nguồn vốn vay ODA thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý vay và trả nợ nước ngoài.

1.6. Mức vốn cho vay đối với một dự án tối đa bằng 15% (mười lăm phần trăm) vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

#### 1.7. Thẩm quyền quyết định cho vay:

a) Mức vốn cho vay đối với một dự án trên 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Mức vốn cho vay đối với một dự án từ 3% đến 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

c) Mức vốn cho vay đối với một dự án đến 3% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định.

1.8. Bảo đảm tiền vay: Căn cứ đặc điểm của từng dự án đầu tư, Quỹ lựa chọn một, một số hoặc tất cả các biện pháp bảo đảm tiền vay sau đây:

a) Cầm cố, thế chấp tài sản của chủ đầu tư;

b) Cầm cố, thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay;

c) Bảo lãnh của bên thứ ba (bên bảo lãnh phải có đủ tư cách pháp nhân và khả năng trả nợ);

d) Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Trong thời gian chưa trả hết nợ, chủ đầu tư không được chuyển nhượng, bán hoặc thế chấp, cầm cố tài sản đó để vay vốn nơi khác.

1.9. Hợp vốn cho vay: Quỹ được làm đầu mối cho vay hợp vốn hoặc cùng hợp vốn với tổ chức tín dụng và tổ chức khác để cho vay dự án. Việc cho vay hợp vốn phải lập thành hợp đồng và tuân thủ theo các quy định tại khoản 1, Điều 12 Điều lệ này.

1.10. Việc phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay đầu tư thực hiện theo quy định áp dụng cho các tổ chức tín dụng.

#### 1.11. Xử lý rủi ro:

a) Đối tượng xử lý rủi ro: Rủi ro xảy ra cho các dự án vay vốn của Quỹ do nguyên nhân khách quan được xử lý như sau:

- Trường hợp do chính sách của nhà nước thay đổi làm ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của dự án mà dẫn đến việc chủ đầu tư gặp khó khăn trong trả nợ vay thì chủ đầu tư được xem xét gia hạn nợ; giãn nợ; khoanh nợ; giảm lãi tiền vay.

- Trường hợp do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn do nguyên nhân khách quan gây thiệt hại tài sản mà chủ đầu tư không trả được nợ và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận thì việc xử lý rủi ro được thực hiện theo trình tự sau:

+ Sử dụng các nguồn tài chính hợp pháp của chủ đầu tư theo quy định để thu hồi nợ;

+ Tiền bồi thường của cơ quan Bảo hiểm (nếu có);

+ Được xem xét xoá nợ một phần hoặc toàn bộ số nợ vay còn lại.

b) Thẩm quyền xử lý rủi ro:

- Cấp nào quyết định cho vay thì cấp đó quyết định gia hạn nợ. Thời gian gia hạn nợ tối đa không vượt quá 1/3 thời hạn đã vay;

- Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định việc xoá nợ lãi.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc khoanh nợ, xoá nợ gốc. Trường hợp xoá nợ, sau khi quyết định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.12. Hồ sơ, thủ tục, quy trình thẩm định xét duyệt và một số nội dung khác về cho vay đối với các chủ đầu tư thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng có phương án thu hồi vốn trực tiếp thuộc các chương trình, mục tiêu theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; các dự án xây dựng nhà ở xã hội, Giám đốc Quỹ căn cứ các quy định hiện hành về cho vay để xây dựng quy chế cho vay trình Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt để thực hiện cho vay theo đúng quy định.

2. Hỗ trợ cho người thu nhập thấp vay để cải thiện nhà ở

2.1. Đối tượng cho vay: Các đối tượng có nhu cầu vay vốn với lãi suất ưu đãi để cải thiện nhà ở, trước hết cần ưu tiên: Các đối tượng chính sách, cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức; sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân hưởng lương từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh và các đối tượng khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.2. Điều kiện được vay vốn: Các đối tượng quy định nêu trên phải là những hộ gia đình thực sự gặp khó khăn về chỗ ở; có mức thu nhập thấp không có khả năng tự cải thiện chỗ ở; có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Cà Mau; có thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị từ 03 năm liên tục trở lên (thời gian được tính kể từ ngày có quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động và được tính bao gồm cả thời gian trước đó đã làm việc tại cơ quan, doanh nghiệp khác chuyên sang); có năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự; có vốn tự có đối ứng bằng 30% giá trị dự toán cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hoặc xây dựng mới căn nhà; có phương án trả nợ phù hợp với thời gian cam kết trả nợ và thuộc một trong các trường hợp sau đây thì được Quỹ cho vay để cải thiện nhà ở, cụ thể:

- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và bản thân cũng như vợ, chồng người vay chưa từng được Nhà nước giải quyết chính sách về nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức.

- Có nhà ở của mình nhưng diện tích bình quân trong hộ gia đình dưới 5m<sup>2</sup> sàn/người và không có điều kiện cải tạo, mở rộng diện tích nhà đang ở.

- Có nhà ở thuộc sở hữu của mình nhưng là nhà ở tạm bợ, hư hỏng hoặc đột nát và không có điều kiện để cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hoặc xây dựng mới nhà đang ở.

### 2.3. Mức cho vay và thời hạn cho vay:

- Mức cho vay do Quỹ và người vay tự thỏa thuận nhưng không vượt quá 70% giá trị cải tạo, sửa chữa, nâng cấp hoặc xây dựng mới căn nhà theo đơn giá xây dựng mới biệt thự, nhà ở, nhà kính và đơn giá cấu kiện tổng hợp để xác định giá trị tài sản là công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Thời hạn cho vay do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định phù hợp với khả năng nguồn vốn phát triển nhà ở và khả năng trả nợ của người vay nhưng tối đa không quá 15 năm đối với các hộ gia đình vay vốn xây dựng mới nhà ở và không quá 05 năm đối với các hộ gia đình vay vốn để chỉnh trang, nâng cấp nhà ở hiện có.

2.4. Giới hạn cho vay đối với trường hợp vay vốn sửa chữa, nâng cấp, chỉnh trang nhà ở tối đa không quá 100.000.000 đồng/trường hợp (một trăm triệu đồng); đối với trường hợp vay vốn xây dựng mới nhà ở tối đa không quá 250.000.000 đồng/trường hợp (hai trăm năm mươi triệu đồng).

2.5. Lãi suất cho vay vốn: Đối với các đối tượng vay vốn để cải thiện nhà ở do người quyết định cho vay quyết định theo quy định của pháp luật nhưng phải đảm bảo phù hợp với quy định tại Điều 15, Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và khung lãi suất cho vay đầu tư do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo nguyên tắc bù đắp đủ chi phí và không vì mục đích lợi nhuận.

2.6. Bảo đảm tiền vay: Căn cứ vào tình hình thực tế của khách hàng vay, Quỹ có thể lựa chọn một, một số hoặc tất cả các biện pháp bảo đảm tiền vay phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2.7. Hồ sơ, thủ tục, quy trình thẩm định xét duyệt cho vay, xử lý rủi ro và thẩm quyền quyết định cho vay đối với các đối tượng thu nhập thấp vay để cải thiện nhà ở, Giám đốc Quỹ căn cứ quy định hiện hành về cho vay để xây dựng quy chế cho vay trình Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt để thực hiện cho vay theo đúng quy định.

## **Điều 13. Góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế**

### 1. Việc góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế thực hiện theo quy định:

Quỹ được góp vốn thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động đầu tư trực tiếp vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thuộc các chương trình, mục tiêu theo chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

## 2. Mức góp vốn:

2.1. Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2.2. Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp từ 2% đến 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định.

2.3. Mức góp vốn đối với một doanh nghiệp dưới 2% vốn chủ sở hữu của Quỹ do Giám đốc Quỹ quyết định.

3. Giới hạn góp vốn thành lập tổ chức kinh tế tối đa bằng 20% (hai mươi phần trăm) vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm thực hiện.

4. Người quyết định cử đại diện quản lý phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp Quỹ góp vốn, không được là người có liên quan với người được cử đại diện phần vốn góp của Quỹ tại doanh nghiệp đó.

5. Các quy định về góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế trong lĩnh vực đầu tư phát triển nhà ở có thể vận dụng các quy định tại khoản 1, 2, 3 và khoản 4 Điều này. Trường hợp Trung ương hoặc địa phương có những quy định riêng về góp vốn thành lập các tổ chức kinh tế trong lĩnh vực đầu tư phát triển nhà ở thì được áp dụng theo quy định riêng của Trung ương hoặc địa phương.

## **Điều 14. Ứng vốn, hoàn trả vốn ứng và ứng chỉ hỗ trợ từ nguồn vốn phát triển đất**

1. Nội dung ứng vốn: Quỹ chỉ tạm ứng vốn để thực hiện một số nhiệm vụ trên cơ sở các tài liệu do chủ đầu tư hoặc tổ chức phát triển quỹ đất cung cấp; chủ đầu tư hoặc Tổ chức phát triển quỹ đất phải chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, trung thực, chính xác của khối lượng, định mức, đơn giá, chất lượng công trình... trong hồ sơ đề nghị tạm ứng, gồm một số nội dung sau:

1.1. Ứng vốn cho Tổ chức phát triển quỹ đất để tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; tạo quỹ đất và phát triển quỹ đất để đầu tư quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong khu vực đã có quy hoạch phải thu hồi đất mà người sử dụng đất có nhu cầu chuyển nhượng trước khi Nhà nước thu hồi đất; tổ chức phát triển các khu tái định cư phục vụ việc thu hồi đất để thực hiện các dự án; tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên quỹ đất đã được giao quản lý để đầu tư.

1.2. Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

1.3. Ứng vốn cho các tổ chức được giao nhiệm vụ thực hiện đầu tư tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch.

1.4. Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ thực hiện các đề án đào tạo nghề, chuyển đổi nghề nghiệp cho các đối tượng bị Nhà nước thu hồi đất.

1.5. Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ khoản chênh lệch cho hộ gia đình, cá nhân vào khu tái định cư trong trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận đất ở, nhà ở tái định cư mà số tiền được bồi thường, hỗ trợ nhỏ hơn giá trị một suất tái định cư tối thiểu.



1.6. Ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư; hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi.

2. Thẩm quyền quyết định mức ứng vốn

2.1. Mức ứng vốn đối với một dự án trên 15% nguồn vốn phát triển đất tại thời điểm thực hiện do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định.

2.2. Mức ứng vốn đối với một dự án dưới 15% nguồn vốn phát triển đất tại thời điểm thực hiện do Giám đốc Quỹ quyết định.

2.3. Mức ứng vốn cho ngân sách Nhà nước để thực hiện nhiệm vụ nêu tại điểm 1.4, 1.5, 1.6 khoản 1, Điều 14, Điều lệ này do Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan liên quan thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Giới hạn ứng vốn:

3.1. Mức ứng vốn đối với một dự án tối đa bằng 20% (hai mươi phần trăm) nguồn vốn phát triển đất tại thời điểm thực hiện.

3.2. Giới hạn tất cả các khoản ứng vốn và ứng chi hỗ trợ tại khoản 1, Điều 14, Điều lệ này tối đa không vượt nguồn vốn phát triển đất tại thời điểm thực hiện.

4. Trình tự thủ tục ứng vốn, chi hỗ trợ

4.1. Hồ sơ ứng vốn.

a) Hồ sơ pháp lý của chủ đầu tư;

b) Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật) của các cơ quan có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có).

c) Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và tái định cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

d) Bảo lãnh tạm ứng (nếu có).

đ) Tờ trình đề nghị tạm ứng vốn, trong đó nêu rõ mức vốn đề nghị tạm ứng, thời hạn hoàn trả, nguồn để hoàn trả.

e) Trường hợp trong dự án bồi thường, tái định cư có hạng mục xây dựng khu tái định cư hoặc mua nhà tái định cư, xây dựng hạ tầng khu sản xuất kinh doanh dịch vụ phi nông nghiệp; tùy theo từng trường hợp, chủ đầu tư gửi thêm các tài liệu:

- Hợp đồng mua nhà phục vụ tái định cư và biên bản bàn giao nhà của chủ đầu tư.

- Văn bản lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của các công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng.

f) Bản đăng ký kế hoạch thực hiện giải phóng mặt bằng của chủ đầu tư với Quỹ Đầu tư phát triển để làm căn cứ cấp vốn tạm ứng, kế hoạch giải ngân.

g) Bản xác nhận khối lượng và giá trị đền bù đã thực hiện. Bản xác nhận khối lượng và giá trị đền bù do các Tổ chức phát triển quỹ đất, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện hoặc doanh nghiệp (ký hợp đồng với các Tổ chức phát triển quỹ đất và Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện để thực hiện các dịch vụ về bồi thường, giải phóng mặt bằng) được lập phải có chữ ký, đóng dấu và ký tên (hoặc điểm chỉ) của người thụ hưởng,

h) Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ thực hiện (đối với trường hợp tạm ứng tại quỹ đất, xây dựng các khu tái định cư...).

k) Khế ước nhận nợ.

l) Chứng từ chuyển tiền.

#### 4.2. Qui trình xét duyệt và tạm ứng vốn

a) Để được đề xuất tạm ứng vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư theo dự án được duyệt, Chủ đầu tư hoặc Tổ chức phát triển quỹ đất gửi hồ sơ theo quy định tại điểm 4.1, khoản 4, Điều 14, Điều lệ này cho Quỹ. Quỹ tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

b) Sau khi nhận đủ các hồ sơ, tài liệu hợp pháp, hợp lệ nêu trên, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Quỹ xem xét và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đồng ý hoặc không đồng ý cho tạm ứng vốn.

c) Khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương tạm ứng vốn, đơn vị lập thủ tục tạm ứng vốn với Quỹ; Quỹ lập thủ tục giải ngân nguồn vốn tạm ứng cho đơn vị theo quy định như sau:

- Trường hợp chủ đầu tư trực tiếp thực hiện chi trả tiền thi công tạo quỹ đất, đền bù giải phóng mặt bằng (bao gồm cả trường hợp công tác đền bù giải phóng mặt bằng phải xây dựng các công trình xây dựng khu tái định cư): Căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu hợp pháp, hợp lệ theo quy định nêu trên, Quỹ kiểm tra và tạm ứng cho chủ đầu tư để chi trả cho người (đơn vị) thụ hưởng.

- Trường hợp chủ đầu tư ký kết hợp đồng với các doanh nghiệp để thực hiện các dịch vụ về bồi thường, giải phóng mặt bằng cho người thụ hưởng thì ngoài các tài liệu qui định nêu trên còn bao gồm:

+ Văn bản đề nghị của chủ đầu tư.

+ Văn bản chấp thuận của cơ quan chủ quản đầu tư.

+ Văn bản chấp thuận của các cơ quan có liên quan.

+ Hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư và doanh nghiệp trực tiếp chi trả.

Quỹ kiểm tra và tạm ứng cho doanh nghiệp thực hiện dịch vụ về bồi thường, giải phóng mặt bằng để chi trả cho người (đơn vị) thụ hưởng.

- Đối với việc tạm ứng chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Chủ đầu tư gửi quyết định phê duyệt và hồ sơ dự toán chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được duyệt cho Quỹ để kiểm tra, tạm

ứng. Tổng số vốn tạm ứng cho chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư không được vượt quá mức quy định tại khoản 2, Điều 26, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/08/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

d) Mức vốn tạm ứng

- Ứng vốn cho các tổ chức đề thi công xây dựng hạ tầng, tạo quỹ đất, quỹ nhà tái định cư theo quy hoạch:

+ Giá trị hợp đồng ứng vốn dưới 10 tỷ đồng, mức tạm ứng lần đầu tối thiểu 20% giá trị hợp đồng.

+ Giá trị hợp đồng ứng vốn từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng, mức tạm ứng lần đầu tối thiểu 15% giá trị hợp đồng.

+ Giá trị hợp đồng ứng vốn trên 50 tỷ đồng, mức tạm ứng lần đầu tối thiểu 10% giá trị hợp đồng.

+ Mức tạm ứng các lần tiếp theo căn cứ tiến độ, hồ sơ nghiệm thu, các hạng mục đã thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

+ Mức vốn tạm ứng không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí cho gói thầu hoặc dự án. Trường hợp mức vốn ứng được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án thì mức vốn tạm ứng không được vượt tổng dự toán (phương án) được duyệt.

- Ứng vốn cho công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, ứng chi hỗ trợ: Mức vốn tạm ứng từng lần căn cứ vào tiến độ, khối lượng, giá trị đã thực hiện trong kế hoạch đền bù, giải phóng mặt bằng, chi hỗ trợ.

4.3. Quy trình xét duyệt và tạm ứng vốn cho ngân sách để chi hỗ trợ:

a) Các tổ chức thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm 1.4, 1.5, 1.6 khoản 1, Điều 14, Điều lệ này có nhu cầu ứng vốn gửi các tài liệu, hồ sơ về Quỹ như sau:

- Hồ sơ chi hỗ trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Quyết định chi hỗ trợ của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Văn bản đề nghị tạm ứng.

- Khi lập hồ sơ tạm ứng vốn cho các lần tiếp theo, chủ đầu tư phải nộp cho Quỹ về hồ sơ chi hỗ trợ của các lần trước (trường hợp hộ gia đình, cá nhân nhận hỗ trợ).

- Trường hợp ứng vốn cho ngân sách để chi hỗ trợ xây dựng khu tái định cư, hỗ trợ xây dựng các công trình hạ tầng tại địa phương có đất bị thu hồi, thì hồ sơ tạm ứng thực hiện theo quy định tại điểm 4.1 khoản 4, Điều 14 Điều lệ này.

b) Quỹ tiếp nhận hồ sơ ứng vốn, kiểm tra tính đầy đủ, hợp pháp, hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

c) Sau khi nhận đủ các hồ sơ, tài liệu hợp pháp, hợp lệ nêu trên, trong thời hạn 05 ngày làm việc, Quỹ phối hợp với Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, cùng các cơ quan liên quan tiến hành thẩm định mức chi hỗ trợ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định để làm cơ sở thực hiện ứng vốn hoặc trả lời cho đơn vị biết nếu không giải quyết tạm ứng.

d) Khi được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức chi hỗ trợ, đơn vị lập thủ tục tạm ứng vốn với Quỹ; Quỹ lập thủ tục giải ngân nguồn vốn tạm ứng cho đơn vị theo quy định. Mức vốn tạm ứng từng lần để thực hiện chi hỗ trợ theo kế hoạch và theo tiến độ thực hiện.

5. Hoàn trả vốn ứng và các khoản chi hỗ trợ.

5.1. Hoàn trả vốn ứng:

Tổ chức được ứng vốn để thực hiện những nhiệm vụ quy định tại các điểm 1.1, 1.2, 1.3 khoản 1, Điều 14, Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả vốn đã ứng từ các nguồn sau:

a) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch, sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất không thu tiền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án.

b) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất theo quy hoạch, sau đó Nhà nước giao cho nhà đầu tư theo hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thì được hoàn trả từ ngân sách địa phương.

c) Đối với vốn ứng để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch sau đó đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án trên đất thì được hoàn trả từ tiền đấu giá quyền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất thu được thông qua đấu thầu trước khi nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định.

d) Đối với vốn ứng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng các khu, điểm, nhà tái định cư để tạo lập quỹ nhà, đất phục vụ tái định cư cho người bị thu hồi đất thì được hoàn trả từ nguồn thu tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư của đối tượng được bố trí tái định cư; trường hợp nguồn thu từ tiền sử dụng đất, bán nhà tái định cư không đủ để hoàn trả, thì ngân sách địa phương hoàn trả phần chênh lệch.

d) Trường hợp vốn đã tạm ứng nhưng không sử dụng hoặc sử dụng không hết; các chủ đầu tư, tổ chức phải hoàn trả cho Quỹ. Nghiêm cấm việc tạm ứng vốn mà không sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích.

5.2. Hoàn trả các khoản chi hỗ trợ:

Tổ chức được giao nhiệm vụ chi hỗ trợ cho những nhiệm vụ quy định tại các điểm 1.4, 1.5, 1.6 khoản 1, Điều 14, Điều lệ này có trách nhiệm hoàn trả từ các nguồn sau:

a) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ đã nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì nguồn vốn để hoàn trả thực hiện theo quy định tại điểm 5.1 khoản 5, Điều 14, Điều lệ này.

b) Trường hợp các khoản chi hỗ trợ không nằm trong phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì do ngân sách địa phương chi trả; trường hợp ngân sách địa phương chưa bố trí để thực hiện chi trả thì Quỹ có trách nhiệm chi trả và được ngân sách địa phương bố trí hoàn trả.

## 6. Thời điểm hoàn trả nguồn vốn tạm ứng

6.1. Đối với vốn ứng được hoàn trả từ vốn đầu tư của dự án thì thời điểm hoàn trả vốn ứng là thời điểm nhà đầu tư nộp ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định.

6.2. Đối với vốn ứng trước được hoàn trả từ nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất thu được thông qua đấu thầu để thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, thì thời điểm hoàn trả vốn ứng là thời điểm thu được tiền đầu giá quyền sử dụng đất hoặc tiền sử dụng đất thu được thông qua đấu thầu trước khi nộp ngân sách Nhà nước.

6.3. Đối với vốn ứng được hoàn trả từ ngân sách địa phương, thì thời điểm hoàn trả vốn ứng là thời điểm ngân sách địa phương bố trí vốn cho dự án (công trình).

6.4. Trường hợp đến hết năm tài chính mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết (do hợp đồng chưa thực hiện xong hoặc ngân sách chưa bố trí vốn), Quỹ có trách nhiệm theo dõi, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tiến hành thu hồi trong kế hoạch năm sau.

## 7. Phí ứng vốn

Khi ứng vốn cho các Tổ chức phát triển quỹ đất và các tổ chức khác để sử dụng cho các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, Điều 14, Điều lệ này, Quỹ được thu phí ứng vốn theo quy định sau:

a) Phí ứng vốn để thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư bằng không (= 0).

b) Phí ứng vốn để chi hỗ trợ bằng không (= 0).

c) Phí ứng vốn để thực hiện các nhiệm vụ khác, mức phí ứng vốn được xác định bằng mức phí ứng vốn ngân sách Nhà nước; mức phí tạm ứng vốn là 0,15%/tháng (30 ngày) tính trên số dư nợ tạm ứng. (Áp dụng theo Thông tư số 49/2005/TT-BTC ngày 09/6/2005 của Bộ Tài chính về phí ứng vốn ngân sách).

## 8. Kiểm tra tình hình sử dụng vốn ứng

8.1. Quỹ được quyền yêu cầu chủ đầu tư, Tổ chức phát triển quỹ đất cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin theo chế độ quy định để phục vụ cho công tác kiểm tra, kiểm soát vốn đã tạm ứng.

8.2. Định kỳ hoặc đột xuất (khi có nghi vấn) kiểm tra các chủ đầu tư, Tổ chức phát triển quỹ đất về tình hình thực hiện dự án, việc chấp hành chế độ, chính sách đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư; được phép tạm ngừng tạm ứng vốn hoặc thu hồi số vốn mà chủ đầu tư, tổ chức phát triển quỹ đất sử dụng sai mục đích, sai đối tượng hoặc trái với chế độ quản lý tài chính của Nhà nước; đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, xử lý.

**Điều 15. Nhận ủy thác và uỷ thác****1. Nhận ủy thác:**

a) Quỹ được nhận ủy thác: Quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay đầu tư và thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, dự án đầu tư phát triển nhà ở từ ngân sách Nhà nước, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thông qua Hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ với các tổ chức, cá nhân uỷ thác.

b) Quỹ được nhận ủy thác quản lý hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ phát triển nhà ở; Quỹ phát triển đất và một số Quỹ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập.

c) Quỹ được thực hiện phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh để huy động vốn cho ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật.

d) Quỹ được hưởng phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí cụ thể được thoả thuận và ghi trong Hợp đồng nhận ủy thác.

**2. Uỷ thác**

a) Quỹ được quyền uỷ thác cho các tổ chức tín dụng thực hiện cho vay và thu hồi nợ một số dự án thuộc đối tượng vay vốn của Quỹ; uỷ thác một số chức năng tác nghiệp của Quỹ Phát triển nhà ở cho các tổ chức có năng lực thực hiện thông qua hợp đồng uỷ thác giữa Quỹ với tổ chức nhận uỷ thác.

b) Các tổ chức nhận uỷ thác được hưởng phí dịch vụ nhận uỷ thác. Mức phí dịch vụ nhận uỷ thác do các bên thoả thuận và ghi trong hợp đồng nhận uỷ thác.

## **Chương IV NGUỒN VỐN HOẠT ĐỘNG**

**Điều 16. Vốn hoạt động****1. Nguồn hình thành vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:**

Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm vốn điều lệ thực có và các khoản tiền đóng góp tự nguyện, các khoản tiền tài trợ, viện trợ của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước,...theo quy định tại khoản 1, Điều 75, Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23/6/2010; Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và điểm a khoản 1, Điều 26, Nghị định số 138/2007/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 1, Điều 4, Quyết định số 193/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

1.1. Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng chẵn), được UBND tỉnh cấp theo phương án bổ sung vốn khi thành lập Quỹ đến năm 2014.

1.2. Tiền đóng góp tự nguyện, các khoản viện trợ, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật để hình thành vốn chủ sở hữu.

2. Việc thay đổi vốn điều lệ của Quỹ, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và thông báo cho Bộ Tài chính.

3. Vốn huy động, giới hạn huy động vốn của Quỹ

3.1. Vốn huy động: Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước bao gồm:

- Vay các tổ chức tài chính, tín dụng trong và ngoài nước. Việc vay vốn ngoài nước thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài.

- Nguồn vốn do người có nhu cầu mua nhà ở đóng góp.

- Phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư phát triển địa phương theo quy định của pháp luật.

- Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo quy định của pháp luật.

3.2. Giới hạn huy động vốn:

Tổng mức vốn huy động theo các hình thức quy định tại khoản 3.1, Điều 16, Điều lệ này tối đa bằng 6 (sáu) lần vốn chủ sở hữu của Quỹ tại cùng thời điểm.

#### **Điều 17. Vốn nhận ủy thác**

1. Vốn nhận ủy thác từ ngân sách nhà nước, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước được thực hiện theo quy định tại Điều 15, Điều lệ này.

2. Vốn nhận ủy thác quy định tại Điều 15, Điều lệ này không thuộc vốn hoạt động của Quỹ.

### **Chương V TỔ CHỨC BỘ MÁY CỦA QUỸ**

#### **Điều 18. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ**

1. Hội đồng Quản lý Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau có 07 thành viên; mỗi thành viên được gọi là một ủy viên của Hội đồng Quản lý Quỹ.

2. Trong số các ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ, 01 ủy viên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ; 02 ủy viên khác là Giám đốc Sở Tài chính và Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ.

3. Ngoại trừ Giám đốc Quỹ là ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ hoạt động chuyên trách, tất cả các ủy viên khác của Hội đồng Quản lý Quỹ đều hoạt động kiêm nhiệm, nhưng không được kiêm nhiệm thêm bất kỳ một chức vụ nào khác trong Quỹ.

4. Cơ cấu Hội đồng Quản lý Quỹ có 7 ủy viên, gồm: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh tỉnh Cà Mau, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường và Giám đốc Quỹ.

5. Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ phải có kiến thức, kinh nghiệm về tài chính, đầu tư vốn, quản trị doanh nghiệp, quản lý xây dựng, nhà ở và quản lý đất đai. Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Quỹ không được là người có liên quan của nhau.

6. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác của Hội đồng Quản lý Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

7. Nhiệm kỳ của ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ không quá 05 năm; các ủy viên của Hội đồng Quản lý Quỹ có thể được tái bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

8. Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

8.1. Bị Toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

8.2. Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị tước bỏ hành vi dân sự.

8.3. Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho cá nhân hoặc cho người khác, báo cáo không trung thực tình hình tài chính Quỹ.

8.4. Vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

8.5. Khi có quyết định xử lý kỷ luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ được thay thế trong những trường hợp sau:

9.1. Xin từ chức.

9.2. Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

9.3. Không đảm bảo sức khỏe đảm nhận công việc.

9.4. Khi có sự khiếm khuyết trong Hội đồng Quản lý Quỹ vì những lý do khác.

#### **Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ**

1. Xem xét và thông qua phương hướng hoạt động, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; thẩm tra và thông qua báo cáo quyết toán của Quỹ.

2. Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật, thực hiện các quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ.

3. Xem xét, thông qua khung lãi suất cho vay đầu tư, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Xem xét, quyết định đầu tư đối với các dự án thuộc thẩm quyền.

5. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ cho phù hợp với yêu cầu thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật.



6. Xem xét, giải quyết các khiếu nại của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Quỹ theo quy định của pháp luật.

7. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ.

8. Ban hành Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng Quản lý Quỹ.

9. Ban hành Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Quỹ.

10. Nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn vốn khác do nhà nước giao cho Quỹ.

11. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

12. Ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng Quản lý Quỹ, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Quỹ và một số quy định có liên quan phục vụ hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ.

13. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban Kiểm soát theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát.

14. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng Quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp...

15. Quyết định đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp, ứng vốn, chi hỗ trợ; quyết định cử người đại diện phân góp vốn tại doanh nghiệp được Quỹ góp vốn trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp.

16. Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ; phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế; xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh theo đề nghị của Giám đốc Quỹ; quyết định gia hạn nợ theo thẩm quyền; quyết định xoá nợ lãi cho vay đầu tư.

17. Thông qua đề nghị của Giám đốc Quỹ, ban hành Quy chế hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ; Quy chế đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản của Quỹ; các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí gián tiếp; Quy chế trả lương và các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ (Quy chế đầu tư trực tiếp, Quy chế cho vay đầu tư, Quy chế góp vốn thành lập doanh nghiệp, Quy chế quản lý rủi ro, Quy chế thẩm định dự án, Quy chế huy động vốn, Quy chế bảo đảm tiền vay và một số Quy chế khác thuộc thẩm quyền theo đề nghị của Ban Giám đốc Quỹ) để làm căn cứ triển khai hoạt động của Quỹ, phù hợp với tình hình triển khai hoạt động thực tế của Quỹ trong từng thời kỳ.

18. Ủy quyền cho Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản lý Quỹ. Người được uỷ quyền chịu trách nhiệm trong phạm vi được uỷ quyền. Hội đồng Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung uỷ quyền.

19. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phương án biên chế, chế độ tiền lương, thưởng; phương thức tổ chức, bộ máy quản lý của Quỹ phù hợp với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

20. Trên cơ sở quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương thức tổ chức hoạt động của Quỹ, quyết định tổ chức các Phòng, Ban nghiệp vụ của Quỹ theo đề nghị của Giám đốc Quỹ theo nguyên tắc gọn nhẹ, hiệu quả.

21. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

22. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo quyết định hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng không được trái với quy định của Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và các quy định hiện hành của Nhà nước.

#### **Điều 20. Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ**

Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ có quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

1. Thay mặt Hội đồng Quản lý Quỹ, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn, tài sản, tài nguyên và các nguồn lực khác do nhà nước giao cho Quỹ.

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 19, Điều lệ này.

3. Thay mặt Hội đồng Quản lý Quỹ, ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản lý Quỹ.

4. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ; huỷ bỏ các Quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ.

5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc cho ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ về các công việc được ủy quyền.

6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

#### **Điều 21. Chế độ làm việc của Hội đồng Quản lý Quỹ**

1. Hội đồng Quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần, để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng Quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng Quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng Quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số ủy viên của Hội đồng tham dự. Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ vắng mặt phải thông báo lý do vắng bằng văn bản. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc một Ủy viên khác được Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ ủy quyền

trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt, làm Chủ tọa. Trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ có thể được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các Ủy viên Hội đồng Quản lý tối thiểu 3 ngày làm việc, trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào Biên bản họp.

4. Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ có quyền biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số Ủy viên trong Hội đồng Quản lý Quỹ có mặt biểu quyết tán thành. Trường hợp, số phiếu ngang nhau, thì ý kiến theo phiếu của người Chủ tọa cuộc họp là quyết định cuối cùng. Ủy viên của Hội đồng Quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Nội dung và kết luận của cuộc họp Hội đồng Quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong Biên bản cuộc họp và được tất cả các Ủy viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các Ủy viên của Hội đồng Quản lý Quỹ.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng Quản lý Quỹ ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc một Ủy viên Hội đồng Quản lý Quỹ ký thay.

7. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thì vẫn phải chấp hành các nghị quyết của Hội đồng Quản lý Quỹ.

8. Các thành viên Hội đồng Quản lý Quỹ có trách nhiệm bảo vệ bí mật về thông tin theo quy chế bảo mật, kể cả khi thôi đảm nhiệm chức vụ hoặc chuyển đi cơ quan khác.

#### **Điều 22. Chế độ lương, phụ cấp, thưởng của Hội đồng Quản lý Quỹ**

1. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các Ủy viên chuyên trách của Hội đồng Quản lý Quỹ được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành áp dụng cho công ty Nhà nước. Các Ủy viên kiêm nhiệm của Hội đồng Quản lý Quỹ được hưởng phụ cấp trách nhiệm và tiền thưởng theo quy định về chế độ kiêm nhiệm.

#### **Điều 23. Tổ chức Ban Kiểm soát Quỹ**

1. Ban Kiểm soát có 3 thành viên, giúp Hội đồng Quản lý Quỹ giám sát hoạt động, tổ chức của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Trưởng ban Kiểm soát do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ.

Trưởng ban Kiểm soát phải đáp ứng được các tiêu chuẩn như: phải có bằng đại học thuộc một trong các ngành kinh tế, tài chính, kế toán, ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực tài chính, kế toán, ngân hàng.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại.

4. Các thành viên khác của Ban Kiểm soát do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát.

#### **Điều 24. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát hoạt động theo Quy chế do Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt. Ban Kiểm soát có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách chế độ, nghiệp vụ và tổ chức hoạt động của Quỹ, nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ.

2. Lập kế hoạch thực hiện và báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra trước Hội đồng Quản lý Quỹ. Trưởng ban Kiểm soát có quyền đề nghị Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc trong trường hợp không được Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ chấp thuận thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh triệu tập phiên họp bất thường để báo cáo những vấn đề khẩn cấp làm phương hại đến hoạt động của Quỹ.

3. Trình bày, báo cáo kiến nghị của mình về kết quả kiểm soát, kết quả thẩm định về quyết toán tài chính tại các cuộc họp của Hội đồng Quản lý Quỹ nhưng không tham gia biểu quyết.

4. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng Quản lý Quỹ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, thua lỗ hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

5. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng Quản lý Quỹ chấp thuận.

6. Trưởng ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng Quản lý Quỹ và pháp luật nếu có hành vi bao che, bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng Quản lý Quỹ.

7. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát, Trưởng ban Kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Thành viên Ban Kiểm soát được hưởng lương, phụ cấp và các quyền lợi theo quy định hiện hành. Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

## **Điều 25. Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau**

- Giám đốc Quỹ là người đại diện pháp nhân cho Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- Quản lý và điều hành các hoạt động của Quỹ theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, pháp luật của Nhà nước và các quyết định của Hội đồng Quản lý Quỹ. Quyết định đầu tư trực tiếp, cho vay đầu tư, góp vốn thành lập doanh nghiệp, ứng vốn, chỉ hỗ trợ; quyết định cử người đại diện phân góp vốn tại doanh nghiệp được Quỹ góp vốn trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp theo Điều lệ của Quỹ.
- Trình Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành các Quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.
- Chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng Quản lý Quỹ; ký các văn bản thuộc phạm vi điều hành của Giám đốc Quỹ.
- Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của Quỹ với Hội đồng Quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.
- Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm bảo toàn phát triển vốn, tài sản của Quỹ theo quy định của pháp luật.
- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các chức danh Trưởng phòng, Phó trưởng phòng và ban nghiệp vụ và tương đương trở xuống.
- Đại diện Quỹ đối với các quan hệ trong và ngoài nước.
- Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tổ tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.
- Xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động ngắn hạn, dài hạn và hàng năm; xây dựng chiến lược, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính trình Hội đồng Quản lý Quỹ thông qua đề trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.
- Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật trình Hội đồng Quản lý Quỹ thông qua để làm căn cứ thực hiện.
- Căn cứ các quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng Quản lý Quỹ ban hành, ban hành quy trình nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.
- Lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; trích lập và sử dụng các quỹ trình Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.
- Xây dựng kế hoạch đơn giá tiền lương hàng năm, trình các cơ quan chức năng và Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Trên cơ sở cơ chế quản lý tài chính do Bộ Tài chính ban hành, xây dựng quy chế lao động, tiền lương, khen thưởng, kỷ luật... áp dụng chung cho toàn Quỹ để trình Hội đồng Quản lý Quỹ phê duyệt.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng Quản lý Quỹ, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài chính.

- Đề nghị Hội đồng Quản lý Quỹ, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

- Thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, đào tạo cán bộ và quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh Trưởng, Phó các phòng, ban thuộc Quỹ.

- Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Hội đồng Quản lý Quỹ uỷ nhiệm, nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và pháp luật hiện hành.

- Giám đốc Quỹ phải đáp ứng được các tiêu chuẩn như: phải có bằng đại học thuộc một trong các ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng hoặc đầu tư.

- Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

#### **Điều 26. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng**

- Phó Giám đốc Quỹ giúp Giám đốc điều hành Quỹ, được phân công (uỷ quyền) quản lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ.

- Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc và Kế toán trưởng, do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

- Kế toán trưởng phải đáp ứng được các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định; có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán.

- Các Phó Giám đốc phải đáp ứng được các tiêu chuẩn như: phải có bằng đại học thuộc một trong các ngành kinh tế, tài chính hoặc ngân hàng; đồng thời phải có tối thiểu 3 năm kinh nghiệm về quản lý hoặc điều hành một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng hoặc đầu tư.

- Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về phân việc được phân công phụ trách.

#### **Điều 27. Bộ máy nghiệp vụ**

1. Các bộ phận nghiệp vụ do Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng Quản lý Quỹ và Giám đốc Quỹ giao.

2. Lãnh đạo các bộ phận nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật.

3. Lãnh đạo các bộ phận nghiệp vụ và các công chức, viên chức làm nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

## **Chương VI** **CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN**

### **Điều 28. Chế độ tài chính, kế toán**

#### **1. Chế độ tài chính:**

1.1. Quỹ là đơn vị hạch toán độc lập; tự chủ về tài chính; tự chịu trách nhiệm về hoạt động của mình trước pháp luật và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; tuân thủ nguyên tắc bảo toàn và phát triển vốn; bù đắp chi phí và rủi ro hoạt động tín dụng. Cơ chế tài chính đối với các hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.2. Quỹ có trách nhiệm cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn để thực hiện chính sách tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và của tỉnh. Việc huy động vốn với lãi suất thị trường để cho vay đầu tư phải đảm bảo nguyên tắc chỉ huy động khi đã sử dụng tối đa các nguồn vốn huy động với lãi suất thấp.

1.3. Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc chấp hành chế độ tài chính của Quỹ.

#### **2. Chế độ kế toán thống kê**

2.1. Quỹ có trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán và thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo Luật Kế toán và các quy định hiện hành của Nhà nước.

2.2. Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau thực hiện chế độ kế toán theo Thông tư số 49/2009/TT-BTC ngày 12/3/2009 của Bộ Tài chính "Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương" và các văn bản pháp luật có liên quan.

2.3. Quỹ thực hiện chế độ báo cáo tài chính, chế độ thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của pháp luật.

2.4. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo.

2.5. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Riêng năm 2012 được tính từ khi thành lập đến 31/12/2012.

#### **3. Thu nhập, chi phí:**

Kết quả hoạt động tài chính của Quỹ là số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí trong năm.

- Tổng số thu nhập bao gồm thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, phí dịch vụ, phí ứng vốn và các khoản thu khác.

- Tổng số chi phí bao gồm: chi trả lãi huy động vốn, chi phí quản lý và các khoản chi phí khác.

- Các định mức chi, dự toán chi trả lãi huy động vốn, chi phí quản lý và các khoản chi khác; chi và các khoản chi phí khác do Giám đốc Quỹ đề nghị Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định phù hợp với chế độ tài chính của Nhà nước, theo Thông tư số 139/2007/TT-BTC ngày 29/11/2007 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan.

#### 4. Trích lập các quỹ

Chênh lệch giữa thu - chi tài chính, sau khi thực hiện bù trừ các khoản theo quy định của Nhà nước, được xử lý như sau:

4.1. Đối với chênh lệch thu - chi từ nguồn vốn cho vay thực hiện các dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, Quỹ được trích lập các quỹ theo khoản 5, Điều 40, Nghị định số 138/2007/NĐ-CP và Thông tư số 139/2007/TT-BTC ngày 29/11/2007 của Bộ Tài chính:

- Quỹ dự phòng tài chính.
- Quỹ đầu tư phát triển.
- Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Quỹ.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.
- Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ.
- Quỹ thất nghiệp.
- Quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy định của Nhà nước.

4.2. Đối với chênh lệch thu - chi từ nguồn vốn phát triển nhà ở của tỉnh sau khi trích lập Quỹ dự phòng tài chính, phần còn lại được dùng để bổ sung nguồn vốn phát triển nhà ở.

4.3. Đối với chênh lệch thu - chi từ nguồn vốn phát triển đất của tỉnh được dùng để bổ sung nguồn vốn phát triển đất.

4.4. Tỷ lệ trích lập các quỹ nêu trên được thực hiện theo các quy định do Bộ Tài chính ban hành và được thay đổi khi có quy định mới.

4.5. Mục đích sử dụng các Quỹ, được thực hiện theo Nghị định số 138/2007/NĐ-CP, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP 13/8/2009 của Chính phủ và các văn bản hiện hành.

## Chương VII

### XỬ LÝ TRANH CHẤP, TÓ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

#### Điều 29. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.



**Điều 30. Tổ chức, giải thể**

Việc tổ chức lại hoặc giải thể Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Cà Mau do Hội đồng Quản lý Quỹ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định; các trường hợp khác, thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Điều 31. Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ**

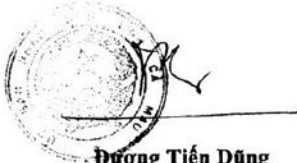
Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

**Chương VIII  
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 32. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết tình hình và kết quả hoạt động, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp với vốn điều lệ và các quy định của pháp luật hiện hành./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đương Tiến Dũng**